

- sàng, cận lâm sàng và các yếu tố nguy cơ của bệnh nhồi máu não. Y học thực hành. 2013;5(870).
6. **Lê Văn Tâm.** Nghiên cứu nồng độ Lipoprotein Associated Phospholipase A2 huyết thanh ở bệnh nhân nhồi máu não giai đoạn cấp. Luận án Tiến sĩ Y học, Đại học Y dược Huế. Published online 2016.
 7. **Van der Lee, J. H., Beckerman, H., Lankhorst, G. J. & Bouter, L. M.** The responsiveness of the Action Research Arm test and the Fugl-Meyer Assessment scale in chronic stroke patients. J. Rehabil. Med. 33, 110–113 (2001).
 8. **Schambra, H. M. et al.** Differential Poststroke Motor Recovery in an Arm Versus Hand Muscle in the Absence of Motor Evoked Potentials. Neurorehabil. Neural Repair 33, 568–580 (2019).

KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH CHĂM SÓC VỆ SINH RĂNG MIỆNG CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC KHUƠNG THƯỢNG HÀ NỘI NĂM 2022-2023

Phouphet Kanolath¹, Hà Ngọc Chiêu¹, Nguyễn Đức Hoàng¹
Phan Thị Thảo Vân¹, Đỗ Hải Long¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu nhằm mô tả thực trạng kiến thức và thực hành chăm sóc vệ sinh răng miệng của học sinh từ 6 đến 8 tuổi tại Trường tiểu học Khuơng Thượng, Hà Nội năm 2022 - 2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu được tiến hành trên 181 học sinh tại trường tiểu học Khuơng Thượng, Hà Nội. Thiết kế nghiên cứu sử dụng nghiên cứu mô tả cắt ngang. Đối tượng nghiên cứu là trẻ em từ 6 đến 8 tuổi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn lựa chọn và tiêu chuẩn loại trừ. **Kết quả:** Trong 181 học sinh tham gia nghiên cứu, có 105 học sinh nam (chiếm 58,01%) và 76 học sinh nữ (chiếm 41,99%). Nghiên cứu cũng chỉ ra có 96,7% học sinh trả lời đúng nguyên nhân gây sâu răng, 90,1% trả lời đúng về loại bàn chải nên sử dụng, 96,1% trả lời đúng về thời gian chải răng. Có 95% học sinh có thói quen sử dụng bàn chải để chải răng, 89,5% học sinh chải răng 2 lần/ngày, 93,9% học sinh sử dụng tăm để xỉa răng. **Kết luận:** Kiến thức và thực hành vệ sinh răng miệng của học sinh Trường Tiểu học Khuơng Thượng Hà Nội tương đối tốt. Do đặc thù của lứa tuổi từ 6-8 tuổi, cần có những phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp để nâng cao kiến thức và thực hành cho học sinh trong chăm sóc răng miệng.

Từ khóa: Vệ sinh răng miệng, học sinh, tiểu học, kiến thức, thực hành.

SUMMARY

KNOWLEDGE AND PRACTICE OF STUDENTS' ORAL HYGIENE CARE IN KHUONG THUONG PRIMARY SCHOOL HANOI 2022-2023

Objective: This study aims to describe the current state of knowledge and practice regarding oral

hygiene care among students aged 6 to 8 years old at Khuong Thuong Primary School Hanoi for the academic year 2022-2023. **Subjects and methods:** The study was conducted on 181 students at Khuong Thuong Primary School, Hanoi. The research design used cross-sectional study. Research subjects are children from 6 to 8 years old who fully meet the inclusion and exclusion criteria. **Results:** Out of 181 students participating in the study, 105 were male students (accounting for 58.01%), 76 female students (41.99%). Research also shows that 96.7% of students answered correctly regarding the causes of tooth decay, 90.1% correctly indicated the recommended time for brushing teeth. Additionally, 95% of students habitually use a toothbrush to clean their teeth, 89.5% brush their teeth twice a day, and 93.9% utilize toothpicks. **Conclusion:** The oral hygiene knowledge and practice of students at Khuong Thuong Primary School, Hanoi, are relatively good. However, considering the age group of 6 to 8 years, there is a need for appropriate health education methods to further enhance knowledge and practice among students in oral health care.

Keywords: Oral hygiene, students, primary school, knowledge and practice

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trẻ em luôn là đối tượng được quan tâm chăm sóc sức khỏe đặc biệt. Sâu răng, viêm lợi là những bệnh lý răng miệng phổ biến ở trẻ em, các bệnh này không những ảnh hưởng đến chức năng ăn nhai, thẩm mỹ mà còn gây những biến chứng tại chỗ và toàn thân. Phòng bệnh răng miệng là quá trình đơn giản, không phức tạp, không đòi hỏi trang thiết bị đắt tiền, chi phí thấp, dễ thực hiện tại cộng đồng.

Ngày nay, vấn đề chăm sóc răng miệng ở trẻ em đã được chú trọng hơn, với các chương trình Nha học đường được triển khai rộng khắp và đã đạt được những thành quả đáng kể, tuy nhiên tỷ lệ trẻ em bị các bệnh lý răng miệng vẫn còn cao. Theo nghiên cứu của Phạm Hùng Sơn 2014, tỷ lệ

¹Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Đức Hoàng

Email: duchoang.hmu@gmail.com

Ngày nhận bài: 5.10.2023

Ngày phản biện khoa học: 14.11.2023

Ngày duyệt bài: 15.12.2023

sâu răng ở học sinh là 46,6%. [1] Đặc biệt, trẻ em trong lứa tuổi tiểu học đã bắt đầu hình thành nhân cách, có những nhận thức cơ bản về cuộc sống xung quanh và có thể hình thành những thói quen chăm sóc vệ sinh răng miệng. Chính vì vậy, tìm hiểu về kiến thức và thực hành vệ sinh răng miệng của học sinh ở lứa tuổi này là cần thiết, trên cơ sở đó đưa ra các biện pháp can thiệp phù hợp. Do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu: *Mô tả thực trạng kiến thức và thực hành vệ sinh răng miệng ở học sinh 6-8 tuổi tại Trường tiểu học Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội năm 2022-2023.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Học sinh từ 6 đến 8 tuổi đang học tại Trường Tiểu học Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tiêu chuẩn lựa chọn bệnh nhân:

- Học sinh từ 6 đến 8 tuổi đang học tại Trường Tiểu học Khương Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

- Được sự đồng ý của bố mẹ, nhà trường.
- Trẻ hợp tác tốt, đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ:

- Là những học sinh không nằm trong độ tuổi từ 6 đến 8 tuổi
- Trẻ đang điều trị chỉnh nha bằng mắc cài cố định.
- Trẻ đang mắc các bệnh toàn thân hoặc răng miệng cấp tính.
- Trẻ không hợp tác.
- Không được sự đồng ý của bố mẹ, nhà trường.

Địa điểm nghiên cứu: Trường Tiểu học Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Thời gian nghiên cứu: từ tháng 8/2022 đến tháng 8/2023.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu và chọn mẫu nghiên cứu:



- p: Tỷ lệ sâu răng sữa ở trẻ 6-8 tuổi theo điều tra sức khỏe răng miệng toàn quốc năm 2019⁸ là 86,4%

- $Z_{(1-\alpha/2)}$: hệ số tin cậy, với mức ý nghĩa thống kê $\alpha = 0,05$, tương ứng với độ tin cậy là 95% thì $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$

- d: Độ chính xác tuyệt đối (= 5%)

Thay vào công thức trên chúng tôi tính được cỡ mẫu cần nghiên cứu là 181 học sinh.

2.3. Các bước tiến hành nghiên cứu:

- Liên hệ với Ban giám hiệu Trường Tiểu học Khương Thượng - Đống Đa - Hà Nội và lựa chọn trẻ em tham gia nghiên cứu.

- Lập phiếu phỏng vấn phù hợp với đối tượng và mục đích nghiên cứu.

- Tập huấn và định chuẩn cho người nghiên cứu về cách phỏng vấn, ghi phiếu đánh giá.

- Thu thập thông tin bệnh nhân.

- Phỏng vấn theo bộ câu hỏi nghiên cứu, kết quả được ghi vào phiếu thu thập thông tin.

2.4. Biện số, chỉ số nghiên cứu: =

- Thông tin chung: tuổi, giới, nghề nghiệp của mẹ.

- Thông tin về kiến thức về phòng chống bệnh sâu răng: nguyên nhân sâu răng; cách thức, số lần, thời điểm chải răng; cách phòng bệnh; khám răng định kỳ.

- Thông tin về thực hành phòng chống bệnh răng miệng: số lần chải răng; dùng kem đánh răng fluor; thời gian thay bàn chải; thói quen ăn uống đồ ngọt; dùng tăm xỉa răng sau mỗi bữa ăn; súc miệng với fluor, tình hình hướng dẫn chăm sóc răng miệng của bố mẹ.

Công cụ nghiên cứu: Phiếu phỏng vấn để đánh giá kiến thức và thực hành của học sinh, chúng tôi dựa trên phiếu phỏng vấn học sinh của Trần Tấn Tài năm 2016. [2] Bộ câu hỏi gồm có 2 phần: phần kiến thức (11 câu hỏi) và phần thực hành vệ sinh răng miệng (10 câu hỏi).

Xử lý số liệu: Số liệu được làm sạch và nhập liệu bằng phần mềm Epidata 3.1. Phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0.

Thông kê mô tả: số lượng và tỷ lệ phần trăm đối với các biến định tính.

2.5. Vấn đề đạo đức y học

- Nghiên cứu được thực hiện khi có sự cho phép của Hội đồng thông qua Đề cương Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt.

- Tôn trọng đối tượng nghiên cứu, mọi thông tin về đối tượng nghiên cứu đều được đảm bảo bí mật.

- Các số liệu, thông tin thu thập được chỉ phục vụ cho mục đích học tập và nghiên cứu khoa học, không phục vụ cho mục đích nào khác.

- Đối tượng nghiên cứu đều được khám, điều trị và theo dõi trong quá trình nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu:

Bảng 1. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo tuổi, giới

Giới \ Tuổi	Nam (n/%)	Nữ (n/%)	Tổng (n/%)
6 tuổi	41(22,65%)	25(13,81%)	66(36,46%)

7 tuổi	60(33,15%)	51(28,18%)	111(61,33%)
8 tuổi	4(2,21%)	0(0%)	4(2,21%)
Tổng	105(58,01%)	76(41,99%)	181(100%)

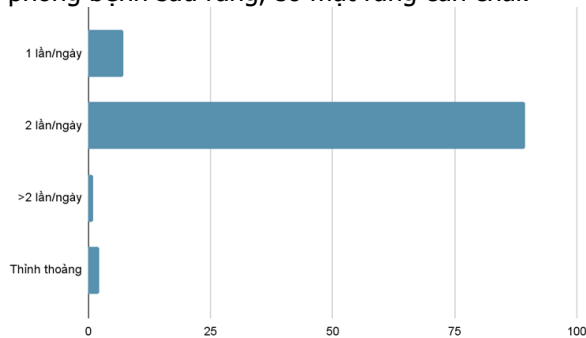
Trong nghiên cứu 181 học sinh, phân bố giới tính nam chiếm 58,01% và giới tính nữ chiếm 41,99%. Trong đó, tỷ lệ cao nhất là học sinh 7 tuổi (61,33%) với 60 học sinh nam 7 tuổi (33,14%), tiếp đến là 51 học sinh nữ 7 tuổi (28,18%), học sinh ít gặp nhất là học sinh 8 tuổi (2,21%)

3.2. Đánh giá kiến thức và thực hành chăm sóc răng miệng của trẻ.

Bảng 2. Tỷ lệ về kiến thức chăm sóc sức khỏe răng miệng

Nội dung	Kết quả trả lời đúng	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nguyên nhân gây sâu răng	175	96,7
Cách phòng bệnh sâu răng	23	12,7
Loại bàn chải nên sử dụng	163	90,1
Số mặt răng cần chải	22	12,2
Thời gian chải răng	174	96,1
Số lần chải răng một ngày	168	92,8
Thời điểm chải răng	104	57,5

Tỷ lệ trả lời đúng về kiến thức chăm sóc sức khỏe răng miệng cao, trả lời đúng về nguyên nhân gây sâu răng (96,7%), loại bàn chải nên sử dụng (90,1%), thời gian chải răng (96,1%), số lần chải răng một ngày (92,8%). Kiến thức về thời điểm chải răng ở mức trung bình (57,5%), mức yếu chiếm 12,7% và 12,2% lần lượt là cách phòng bệnh sâu răng, số mặt răng cần chải.



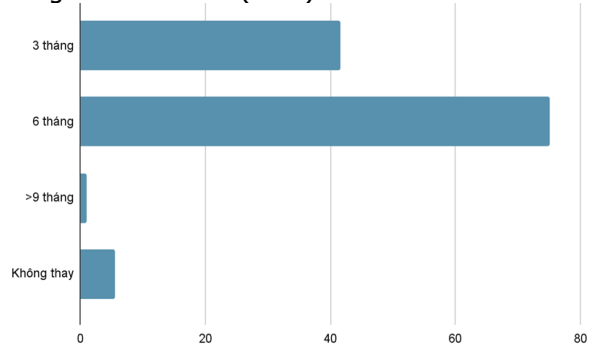
Biểu đồ 1. Mức độ thường xuyên chải răng của học sinh tiểu học Khương Thượng

Đại đa số học sinh có thói quen chải răng 2 lần/ngày (89,5%), 7,2% học sinh chải răng 1 lần/ngày. Số ít 1,1% chải răng 3 lần/ngày và 2,2% thỉnh thoảng mới chải răng. Không có học sinh không chải răng.

Bảng 3. Thói quen sử dụng dụng cụ làm sạch răng của học sinh tiểu học Khương Thượng

Đặc điểm	n (%)
Bàn chải răng	95
Kem chải răng chứa Fluoride	84
Tăm xỉa răng	93,9
Nước súc miệng Fluoride ở trường	80,7
Súc miệng thường xuyên ngay sau khi ăn	45,3

Phần lớn học sinh tiểu học Khương Thượng sử dụng bàn chải để làm sạch răng. Bên cạnh đó, học sinh tiểu học cũng sử dụng đa dạng các dụng cụ làm sạch khác tăm xỉa răng (93,9%), nước súc miệng có Fluoride (80,7%), kem chải răng chứa Fluoride (84%).



Biểu đồ 2. Thời gian thay bàn chải răng của học sinh tiểu học Khương Thượng

Tỷ lệ học sinh thay bàn chải sau 6 tháng sử dụng cao nhất chiếm 75,1%, kể đến là sau 3 tháng (41,6%). Thậm chí có 5,5% học sinh không thay bàn chải và 1,1% thay sau hơn 9 tháng sử dụng.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu này thực hiện trên 181 học sinh từ 6 đến 8 tuổi Trường tiểu học Khương Thượng, Hà Nội. Phân bố về giới tính không có sự chênh lệch đáng kể khi tỷ lệ nam chiếm (58,01%) và nữ chiếm (41,99%), nam giới cao hơn nữ giới 16,12%. Về kiến thức chăm sóc sức khỏe răng miệng, kết quả nghiên cứu này có hơn 90% học sinh biết sử dụng loại bàn chải phù hợp, thời gian chải răng, số lần chải răng một ngày. Đáng lưu ý rằng học sinh nắm được nguyên nhân gây sâu răng chiếm 96,7%, thêm vào đó kiến thức về thời điểm chải răng ở mức trung bình (57,5%) cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Nghĩa (2013) trên học sinh người Mông tỉnh Yên Bái với tỷ lệ học sinh biết nguyên nhân bệnh sâu răng (35,69%) và thời điểm chải răng (30,58%).[3] Sự khác biệt này có thể do vị trí địa lý, 100% học sinh tham gia nghiên cứu của chúng tôi sinh sống ở Hà Nội, có cơ hội tiếp cận với kiến thức về chăm sóc sức khỏe răng miệng từ gia đình, thầy cô và các chương trình nha học đường nên tỷ lệ trả lời đúng ở mức cao hơn. Tuy

nhiên, vẫn còn tồn tại lỗ hổng kiến thức khi tỷ lệ học sinh nắm được cách phòng bệnh sâu răng (12,7%) và số mặt răng cần chải (12,2%) còn ở mức thấp, nguyên nhân do lứa tuổi tham gia nghiên cứu đa số là học sinh 7 tuổi (61,32%) tiếp đó là 6 tuổi (36,46%), chỉ có 2,2% học sinh 8 tuổi nên học sinh chưa nắm được khái niệm các mặt của răng cũng như hiểu được phòng bệnh một cách sâu sắc.

Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận học sinh tiểu học Khương Thượng có ý thức về việc sử dụng đa dạng các dụng cụ vệ sinh răng miệng, có thể kể đến 95% sử dụng bàn chải vệ sinh răng hàng ngày, đáng chú ý học sinh sử dụng kem chải răng chứa Fluoride chiếm 84%, học sinh được súc miệng chứa Fluoride tại trường học (80,7%), súc miệng thường xuyên sau khi ăn chiếm 45,3%. Trong nghiên cứu của Al-Amin Bhuiyan trên học sinh tiểu học ở vùng nông thôn Bangladesh chỉ là 25%.[4] Súc miệng ngay sau bữa ăn là phương pháp đơn giản và hiệu quả tránh lắng đọng thức ăn và hôi miệng. Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng tăm xỉa răng còn cao chiếm 93,9%, cao gấp 6 lần kết quả của Trần Thị Hương Trà tại THPT Nam Định.[5]

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ học sinh chải răng 2 lần/ngày là 89,5%, tỷ lệ học sinh chải răng nhiều hơn 2 lần/ngày là 1,1% như vậy tỷ lệ học sinh chải răng ≥ 2 lần/ngày của chúng tôi là 90,6%. Về thời gian thay bàn chải, nghiên cứu của Lê Thị Thanh Hoa chỉ ra rằng có mối liên quan giữa thời gian thay bàn chải với tỷ lệ sâu răng.[6] Ở nghiên cứu này, chúng tôi ghi nhận 41,6% học sinh thay bàn chải sau 3 tháng, 81,7% học sinh không ý thức được việc thay bàn chải định kỳ mỗi 3-4 tháng theo khuyến cáo của Hiệp hội nha khoa Hoa Kỳ, trong đó cá biệt có 5,5% học sinh không thay bàn chải đánh răng. Đây là vấn đề các học sinh tiểu học chưa đủ khả năng để tự giải quyết, cần có sự phối hợp cũng như kiến thức đầy đủ từ phụ huynh.

Mặt khác, ngoài các câu trả lời đúng, nghiên cứu chúng tôi ghi nhận các em học sinh chưa nắm được vững được các kiến thức về cách phòng bệnh sâu răng, số mặt răng cần chải. Đây là một trong các yếu tố kiến thức ảnh hưởng đến việc thực hành chăm sóc sức khỏe răng miệng, có kiến thức đúng sẽ có hành động đúng. Tỷ lệ xỉa răng còn cao và học sinh chưa thay bàn chải đúng thời điểm. Việc thực hành không những chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bên ngoài như môi trường giáo dục, gia đình, điều kiện kinh

tế,... mà còn xuất phát từ bên trong đặc biệt là ở các em học sinh nhỏ tuổi (6-7 tuổi) khi nhận thức chưa đủ sâu, kiến thức kém bền vững. Ngược lại, ở lứa tuổi này, nếu được tiếp thu những kiến thức nha khoa đúng đắn ngay từ đầu và lặp đi lặp lại, các em sẽ hình thành những quan điểm đúng, ghi nhớ rất sâu thậm chí có thể tác động đến người thân, bạn bè,... Vì vậy, vai trò của thầy cô và bố mẹ rất quan trọng trong việc giáo dục cũng như hướng dẫn thực hành, giúp học sinh xây dựng thói quen tốt lâu dài. Cuối cùng, cần có sự hợp tác sâu rộng giữa gia đình và nhà trường, các chương trình nha học đường có kết hợp hướng dẫn thực hành định kỳ, bổ sung chương trình tập huấn nhân viên y tế nhà trường và phụ huynh.

V. KẾT LUẬN

Kiến thức và thực hành vệ sinh răng miệng của học sinh Trường tiểu học Khương Thượng Hà Nội tương đối tốt. Do đặc thù của lứa tuổi từ 6-8, cần có những phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp để nâng cao kiến thức và thực hành cho học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phạm Hùng Sơn**, Kiến thức, thái độ, thực hành vệ sinh răng miệng và thực trạng sâu răng ở học sinh tại Trường tiểu học Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội năm 2014, Luận văn Thạc sĩ y học, Trường Đại học Y Hà Nội.
- Trần Tân Tài**, Thực trạng bệnh sâu răng và hiệu quả của giải pháp can thiệp cộng đồng của học sinh tại một số trường Tiểu học ở Thừa Thiên Huế. Luận án Tiến sĩ y học, Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế.
- Nguyễn Ngọc Nghĩa, Trịnh Đình Hải và CS**, Thực trạng kiến thức - thái độ - thực hành trong phòng bệnh răng miệng của học sinh tiểu học người Mông ở tỉnh Yên Bái, Tạp chí Khoa học và Công nghệ 115(01): 163 - 168.
- Md. Al-Amin Bhuiyan, Humayra Binte Anwar, Rezwana Binte Anwa, Mir Nowazesh Ali, Priyanka Agrawal**, Oral hygiene awareness and practices among a sample of primary school children in Rural Bangladesh, Dentistry Journal 2020. 8(2), 36.
- Trần Thị Hương Trà, Lê Chí Bằng, Hà Vũ Hoàng, Vũ Đình Việt Anh, Phan Thị Bích Hạnh**, Thực hành chăm sóc vệ sinh răng miệng của học sinh Trung học phổ thông tại Nam Định năm 2023, Tạp chí Y dược lâm sàng 108. 18(05): 112 - 117.
- Lê Thị Thanh Hoa, Nguyễn Hồng Chuyên, Trương Thị Thúy Dương, Nguyễn Việt Quang, Nguyễn Ngọc Anh**, Một số yếu tố liên quan đến bệnh sâu răng ở học sinh hai trường tiểu học huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ. 168(7): 249 - 255.